TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN GÒ VẤP
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 859/2024/DS-ST
Ngày: 10/9/2024.
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN GÒ VẤP, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Thành Huế

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Võ Thị Mai

2. Ông Phạm Nguyễn Anh Tuấn.

- Thư ký phiên tòa : Ông Nguyễn Minh Tú– Thư ký Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh* tham gia phiên tòa**: Bà Nguyễn Thị Cẩm Thu – Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 9 năm 2024, tại Phòng xử án của Tòa án nhân dân quận G, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 377/2024/TLST-DS ngày 15 tháng 4 năm 2024 về "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 419/2024/QĐXXST- DS ngày 19 tháng 7 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 386/2024/QĐST-DS ngày 12/8/2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP N; địa chỉ: Số 201-203 đường Cách Mạng Tháng Tám, Phường 4, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Trần Ngô Phúc V – Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Đại diện theo ủy quyền: Công ty TNHH một thành viên quản lý nợ và khai thác tài sản – Ngân hàng TMCP N (Công ty A – N Bank); địa chỉ: SR18 –SR19 Trung tâm thương mại Q, số V đường N, phường L, thành phố Q, tỉnh B.

Địa chỉ liên hệ: Lầu R số L đường A, Phường I, Quận S, TP. Hồ Chí Minh

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Danh Th – Chức vụ: Chủ tịch công ty.

Người đại diện hợp pháp của Công ty A – N Bank:

1/ Ông Dương Duy K;

2/ Ông Nguyễn Huỳnh Nhật M.

Cùng địa chỉ: A Trung tâm thương mại Q, số B đường N, phường L, TP.Q, tỉnh B;

Cùng địa chỉ liên lạc: Lầu E số F đường L, Phường I, quận T, TP. Hồ Chí Minh (Giấy ủy quyền số 809/2024/UQ-A ngày 09/9/2024).

Bị đơn: Ông Lại Văn H, sinh năm 1983; địa chỉ: Số P đường Q, Phường K, quận G, TP. Hồ Chí Minh.

(Đại diện nguyên đơn có mặt, bị đơn vắng mặt không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện của Ngân hàng thương mại cổ phần N (Sau đây viết tắt là Ngân hàng), lời khai của những người đại diện hợp pháp của nguyên đơn tại Tòa án trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa ông Dương Duy K trình bày:

Ngày 25 tháng 10 năm 2016, Ngân hàng TMCP N và ông Lại Văn H đã ký kết Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm phương án vay vốn, hợp đồng tín dụng kiêm hợp đồng sử dụng thẻ số 0207/2016/916 (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm phương án vay vốn, hợp đồng tín dụng và hợp đồng sử dụng thẻ ngày 25/10/2016 và bản các Điều khoản và Điều kiện sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng TMCP N có hiệu lực 11/10/2016 – các tài liệu này gọi chung là Hợp đồng tín dụng), đã được Ngân hàng xác nhận tạo thẻ cho ông H ngày 28/10/2016. Ngân hàng đã phát hành cho ông Lại Văn H sản phẩm thẻ MC EMV Standard Credit Main Card với số tài khoản 691603212390001; số thẻ: 5331470000246128, sản phẩm thẻ: MC EMV Standard Credit Main Card. Ngày phát hành: 28/10/2016 và ngày kích hoạt: 15/11/2016. Lãi suất trong hạn là 27%/năm. Lãi suất quá hạn là 40.5%/năm.

Quá trình thực hiện hợp đồng ông H đã thực hiện giao dịch với số tiền là 31.834.800 đồng, ông H thanh toán cho Ngân hàng 15.848.000 đồng. Từ thời điểm ngày 24/3/2018 đến 24/11/2019 ông H vi phạm nghĩa vụ thanh toán. Mặc dù Ngân hàng đã nhiều lần đôn đốc, tạo điều kiện để ông Lại Văn H trả nợ, nhưng ông Lại Văn H vẫn không thực hiện. Do ông H vi phạm nghĩa vụ thanh toán. Ngân hàng TMCP N đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn từ ngày 24/12/2019. Việc không thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo cam kết, kế hoạch trả nợ với Ngân hàng TMCP Nam Á của ông Lại Văn H đã vi phạm các điều khoản cam kết trong hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng, gây thiệt hại đến quyền và lợi ích hợp pháp của Ngân hàng TMCP Nam Á. Tạm tính đến ngày 10/9/2024 ông H còn nợ Ngân hàng tổng số tiền 99.596.018 đồng. Trong đó nợ gốc: 29.839.533 đồng; nợ lãi là 69.756.485 đồng. Yêu cầu ông H thanh toán toàn bộ khoản nợ trên làm một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật. Kể từ ngày 11/9/2024 yêu cầu ông H tiếp tục thanh toán khoản nợ lãi quá hạn phát sinh theo thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng trên cho đến khi thanh toán hết nợ.

Bị đơn không có yêu cầu phản tố đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản và giấy triệu tập của Tòa án cho bị đơn là ông Lại Văn H tại địa chỉ: Số P đường Q, Phường K, quận G, TP. Hồ Chí Minh, nhưng bị đơn vắng mặt, Tòa án cũng không nhận được các tài liệu chứng cứ do bị đơn cung cấp. Tòa án vẫn tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ vào ngày 18/7/2024 và gửi cho bị đơn thông báo kết quả phiên họp. Do bị đơn vắng mặt nên Tòa án không tiến hành hòa giải được và nguyên đơn có yêu cầu Tòa án không tiếp tục tổ chức phiên hòa giải. Do đó, Tòa án đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận G phát biểu ý kiến:

1. Việc tuân theo pháp luật Tố tụng của Thẩm phán: Về thẩm quyền thụ lý; xác định quan hệ tranh chấp, tống đạt văn bản cho đương sự; thủ tục hòa giải; thời hạn chuẩn bị xét xử; thời gian ban hành quyết định xét xử, gửi hồ sơ đến Viện kiểm sát đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

2. Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa: Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự và các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan về việc xét xử vụ việc.

3. Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng Nguyên đơn thực hiện đúng quy định tại Điều 70, Điều 71 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Bị đơn không thực hiện đúng quy định tại Điều 70, Điều 72 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Về nội dung:

Căn cứ Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng ngày 25/10/2016; bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng, xác định ông Lại Văn H có sử dụng dịch vụ thẻ tín dụng của Ngân hàng TMCP N.

Căn cứ vào bản Tóm tắt sao kê do Ngân hàng cung cấp tính đến ngày 10/9/2024 ông H còn nợ Ngân hàng TMCP N với tổng số tổng số tiền 99.596.018 đồng. Trong đó nợ gốc: 29.839.533 đồng; nợ lãi là 69.756.485 đồng, trong đó lãi trong hạn 12.797.820 đồng và lãi quá hạn: 56.958.665 đồng. Việc vi phạm nghĩa vụ thanh toán của ông Lại Văn H đã ảnh hưởng đến quyền và lợi ích của Ngân hàng TMCP N.

Do đó căn cứ Điều 463 và Điều 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng, Điều 17 Thông tư số 19/2016/TT-NHNN ngày 30/6/2016 của Thống đốc Ngân hàng nhà nước chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Buộc ông Lại Văn H thanh toán các khoản nợ còn thiếu và lãi phát sinh trên số tiền chưa thanh toán theo thỏa thuận tại hợp đồng đến khi trả hết nợ cho Ngân hàng. Bị đơn chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng.

[1.1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Ngân hàng TMCP N có đơn khởi kiện yêu cầu ông Lại Văn H trả toàn bộ khoản nợ gốc và tiền lãi phát sinh từ hợp đồng thẻ tín dụng và hợp đồng tín dụng hạn mức tạm tính đến ngày 10/9/2024 với tổng số tiền nợ gốc, lãi là 99.596.018 đồng và tiền lãi quá hạn phát sinh kể từ ngày 11/9/2024. Đây là tranh chấp hợp đồng tín dụng, nên căn cứ khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Căn cứ kết quả xác minh của Công an Phường K, quận G, TP. Hồ Chí Minh thể hiện ông Lại Văn H có địa chỉ tạm trú tại: Số P đường Q, Phường K, quận G, TP. Hồ Chí Minh, nhưng đã đi khỏi địa phương, đi đâu không rõ. Như vậy, ông H thay đổi nơi cư trú không báo địa chỉ mới cho cơ quan, người có thẩm quyền theo quy định luật cư trú đã thể hiện nhằm mục đích che giấu địa chỉ, trốn tránh nghĩa vụ đối với người khởi kiện. Ngân hàng đã ghi đúng địa chỉ của ông H trong đơn khởi kiện theo địa chỉ tại hợp đồng tín dụng, việc ông H thay đổi nơi cư trú mà không báo cho Ngân hàng biết địa chỉ nơi cư trú mới, cũng được coi là cố tình giấu địa chỉ theo hướng dẫn tại Khoản 2 Điều 6 Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao. Hội đồng xét xử xét thấy có đủ cơ sở xác định địa chỉ của bị đơn tại quận G, TP. Hồ Chí Minh. Căn cứ theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm a khoản 1 Điều 40 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận G, TP. Hồ Chí Minh.

[1.2] Người tham gia tố tụng:

Nguyên đơn: Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn có mặt.

Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan.

Theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn.

[2] Về nội dung: Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Căn cứ lời khai của người đại diện hợp pháp của nguyên đơn. Căn cứ các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ kiện do nguyên đơn cung cấp gồm: Hợp đồng tín dụng số 0207/2016/916 ngày 25/10/2016, được Ngân hàng xác nhận tạo thẻ ngày 28/10/2016 (Bao gồm: Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng và bản các Điều khoản và Điều kiện sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng TMCP N); Bản sao kê chứng minh khoản tiền giao dịch của khách hàng và đối chiếu các văn bản, tài liệu khác của Ngân hàng đủ cơ sở xác định giữa Ngân hàng với ông Lại Văn H có xác lập hợp đồng tín dụng trên, theo hợp đồng thể hiện Ngân hàng xác nhận tạo thẻ cho ông H ngày 28/10/2016. Ngân hàng đã phát hành cho ông Lại Văn H sản phẩm thẻ MC EMV Standard Credit Main Card với số tài khoản 691603212390001, số thẻ: 5331470000246128, sản phẩm thẻ: MC EMV Standard Credit Main Card. Ngày mở thẻ: 28/10/2016 và ngày kích hoạt: 15/11/2016. Lãi suất trong hạn là 27/%/năm. Lãi suất quá hạn là 40.5%/năm.

Xét nội dung thoả thuận của các bên tại hợp đồng tín dụng nêu trên về khoản nợ vay, lãi suất và trách nhiệm trả nợ phù hợp với quy định tại Điều 280, Điều 463,

Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015; thỏa thuận lãi suất phù hợp với quy định tại Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 "*Tổ chức tín dụng và khách hàng có quyền thỏa thuận về lãi suất, phí cấp tín dụng trong hoạt động Ngân hàng của các tổ chức tín dụng theo quy định của pháp luật*" và phù hợp với quy định tại Điều 7 của Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 01/01/2019 hướng dẫn áp dụng một số quy định về lãi, lãi suất, phạt vi phạm nên đã làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên.

Đối chiếu với các tài liệu, chứng cứ nguyên đơn cung cấp, thể hiện quá trình thực hiện hợp ông H đã thực hiện giao dịch với số tiền là 31.834.800 đồng và đã thanh toán cho Ngân hàng 15.848.000 đồng. Từ thời điểm ngày 24/3/2018 đến 24/11/2019 ông H vi phạm nghĩa vụ thanh toán. Ngân hàng TMCP N đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn từ ngày 24/12/2019. Do ông H vi phạm nghĩa vụ thanh toán đã làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của Ngân hàng. Vì vậy, Ngân hàng khởi kiện yêu cầu ông H thanh toán khoản nợ gốc và tiền lãi phát sinh theo hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng nêu trên tạm tính đến ngày 10/9/2024 nợ gốc: 29.839.533 đồng; nợ lãi là 69.756.485 đồng, trong đó lãi trong hạn 12.797.820 đồng và lãi quá hạn: 56.958.665 đồng. Tổng nợ là 99.596.018 đồng và yêu cầu ông H tiếp tục thanh toán tiền lãi quá hạn phát sinh kể từ ngày 11/9/2024 là có cơ sở nên chấp nhận.

[3] Về thời hạn và phương thức thanh toán.

Xét thấy, bị đơn vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo thỏa thuận mà các bên ký kết đã gây thiệt hại cho nguyên đơn. Do đó, nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán ngay toàn bộ khoản nợ gốc và tiền lãi phát sinh của hợp đồng tín dụng nêu trên là phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc ông Lại Văn H thanh toán cho Ngân hàng TMCP N tổng số tiền nợ gốc và lãi tính đến ngày 10/9/2024 là 99.596.018 đồng, trong đó nợ gốc: 29.839.533 đồng; lãi trong hạn 12.797.820 đồng và lãi quá hạn: 56.958.665 đồng, theo hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng số 0207/2016/916 ngày 25/10/2016 (Bao gồm: Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm phương án vay vốn, hợp đồng tín dụng và hợp đồng sử dụng thẻ ký ngày 25/10/2016; Bản các Điều khoản và Điều kiện sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng TMCP N).

Trả làm một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày 11/9/2024 ông Lại Văn H phải tiếp tục thanh toán tiền lãi phát sinh trên số nợ gốc theo mức lãi suất quá hạn thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng nêu trên cho đến khi trả dứt khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc bị đơn thanh toán tổng số nợ là 99.596.018 đồng được Tòa án chấp nhận, nên theo quy định tại Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban

Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự là 4.979.800 đồng.

Ngân hàng TMCP N không phải chịu án phí, được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 2.274.434 đồng theo biên lai thu số 0013143 ngày 15/4/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự quận G, TP. Hồ Chí Minh.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm a khoản 1 Điều 40, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ khoản 2 Điều 6 Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao;

- Căn cứ Điều 280, Điều 463 và Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010;

- Căn cứ khoản 2 Điều 17 Thông tư số 19/2016/TT-NHNN ngày 30/6/2016 của Thống đốc Ngân hàng nhà nước;

- Áp dụng Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 01/01/2019 hướng dẫn áp dụng một số quy định về lãi, lãi suất, phạt vi phạm;

- Căn cứ Luật phí và lệ phí năm 2015;

- Căn cứ Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn.

1. Buộc ông Lại Văn H thanh toán cho Ngân hàng thương mại cổ phần N tổng số nợ gốc và lãi tính đến ngày 10/9/2024 là: 99.596.018 đồng (Chín mươi chín triệu năm trăm chín mươi sáu nghìn không trăm mười tám đồng). Trong đó nợ gốc: 29.839.533 đồng; lãi trong hạn 12.797.820 đồng và lãi quá hạn: 56.958.665 đồng, theo hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng số 0207/2016/916 ngày 25/10/2016 (Bao gồm: Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm phương án vay vốn, hợp đồng tín dụng và hợp đồng sử dụng thẻ ký ngày 25/10/2016; Bản các Điều khoản và Điều kiện sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng TMCP N).

Trả làm một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày 11/9/2024, ông Lại Văn H phải tiếp tục thanh toán tiền lãi phát sinh trên số nợ gốc theo mức lãi suất quá hạn thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng hạn mức và hợp đồng thẻ tín dụng nêu trên cho đến khi trả dứt khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án

cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

Thi hành tại cơ quan Thi hành án có thẩm quyền.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Lại Văn H phải chịu tiền án phí sơ thẩm là 4.979.800 đồng (Bốn triệu chín trăm bảy mươi chín nghìn tám trăm đồng).

Ngân hàng TMCP N không phải chịu án phí, được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 2.274. 434 đồng (Hai triệu hai trăm bảy mươi bốn nghìn bốn trăm ba mươi bốn đồng), theo biên lai thu số 0013143 ngày 15/4/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự quận G, TP. Hồ Chí Minh.

Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi bổ sung năm 2014).

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- TAND TP. Hồ Chí Minh;
- VKSND quận Gò Vấp;
- Chi cục THADS quận Gò Vấp;
- Lưu VP, hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đã ký

Lê Thị Thành Huế